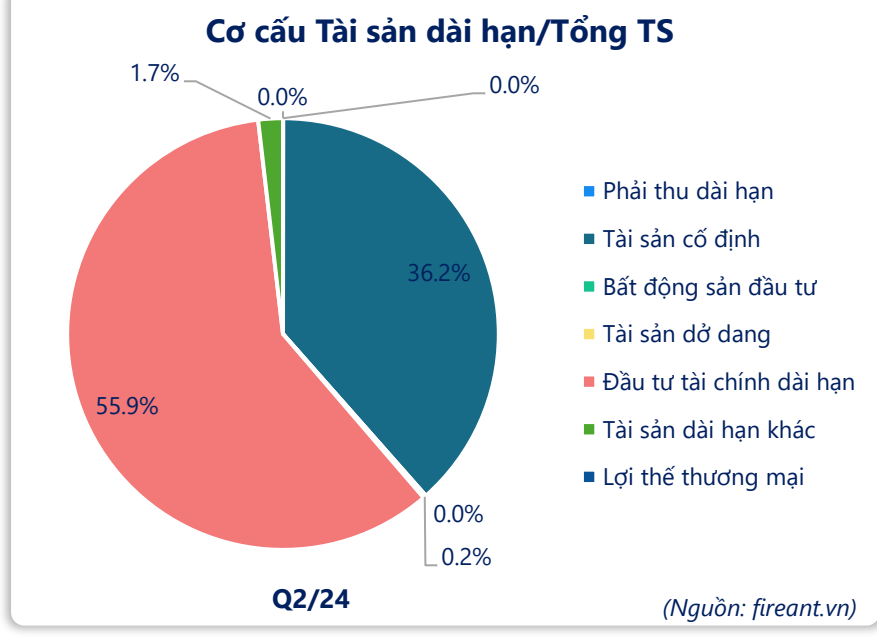
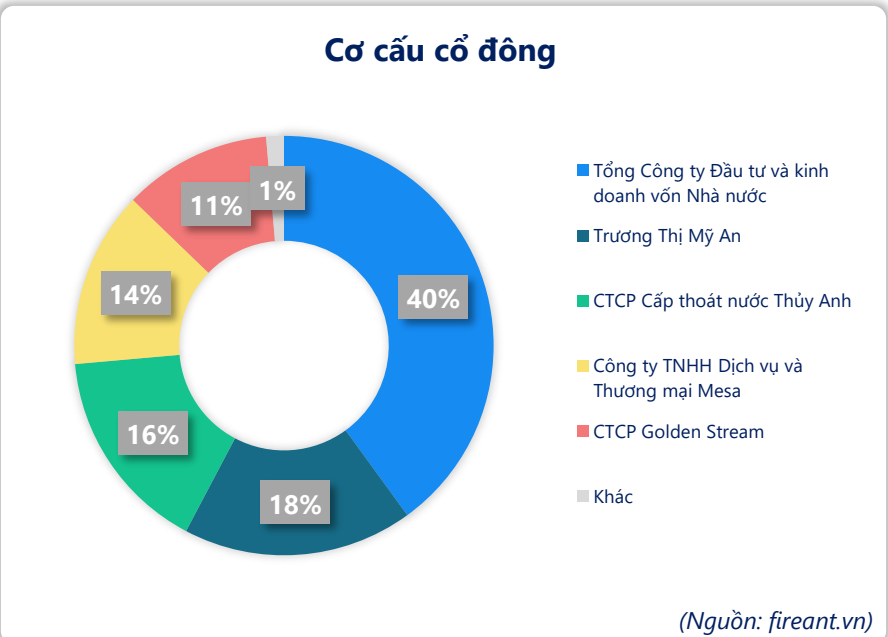
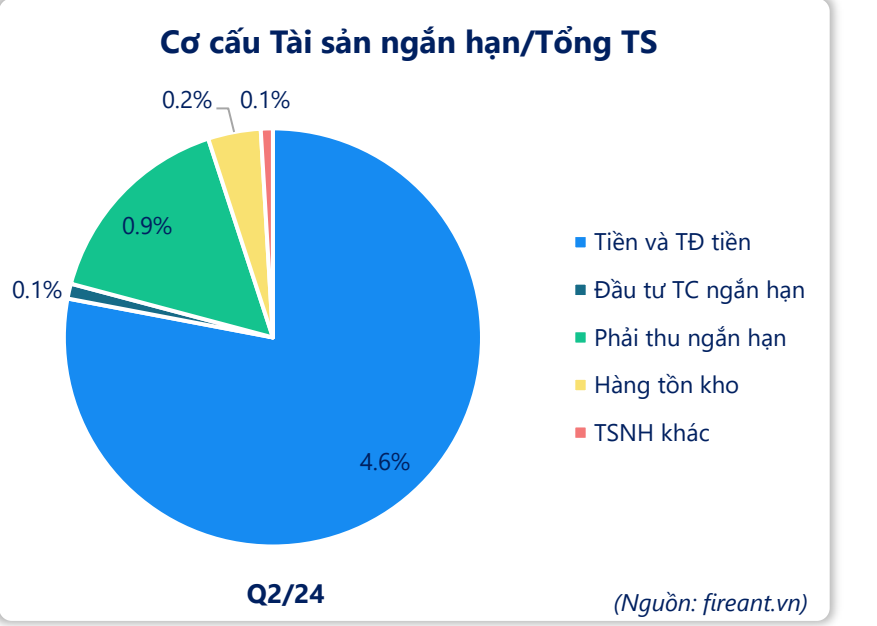
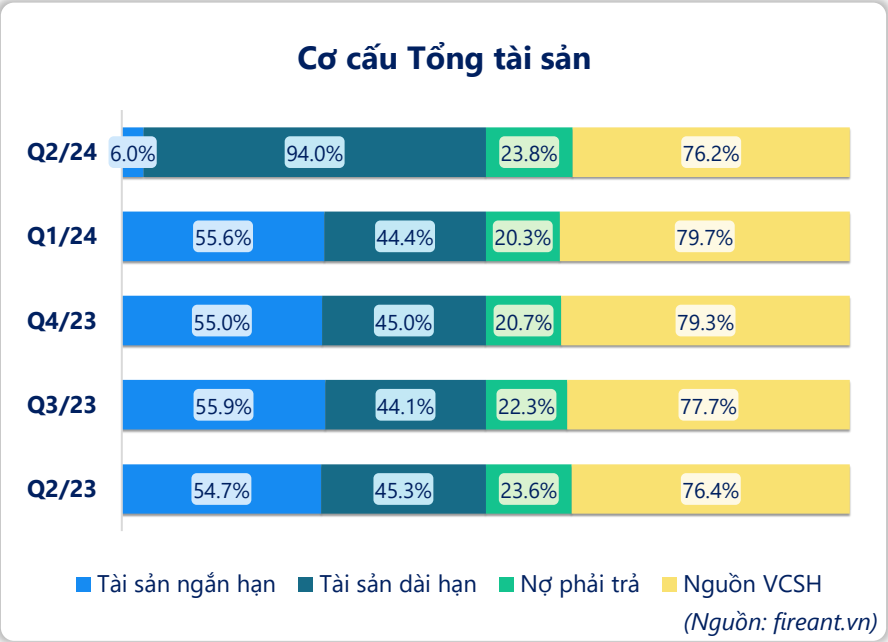
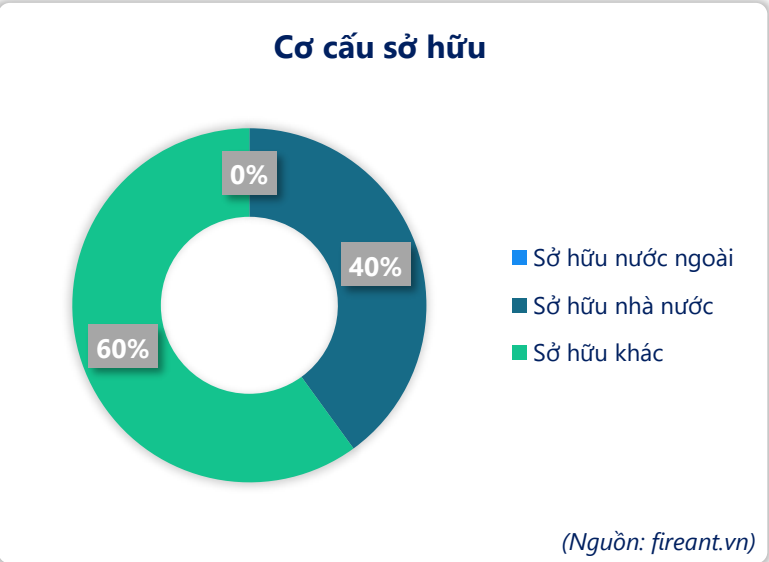
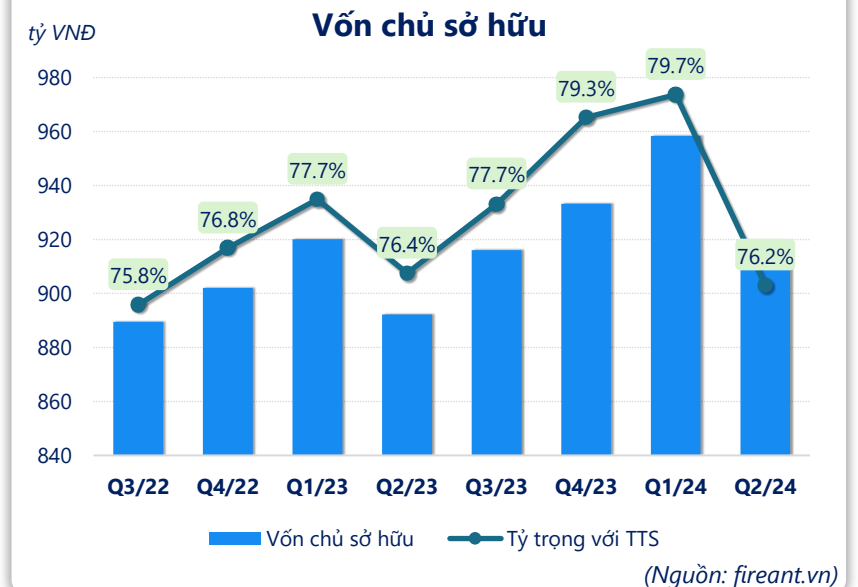
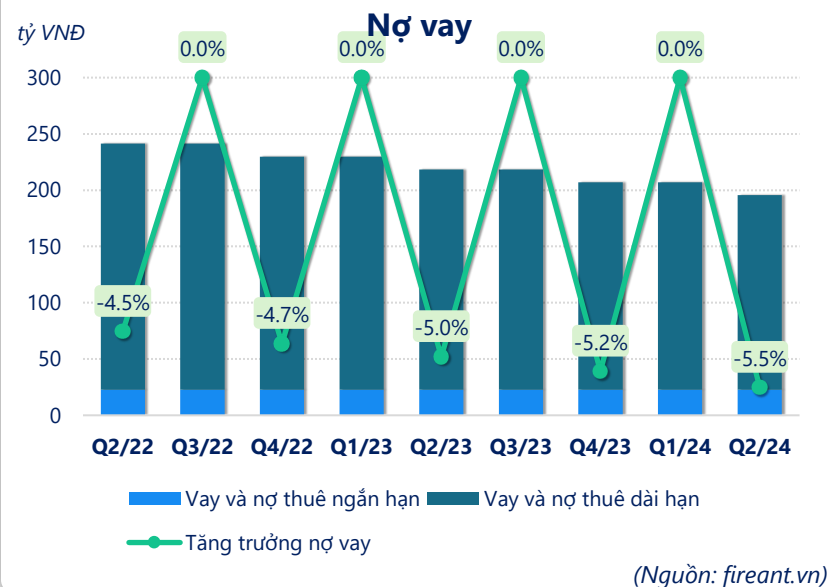
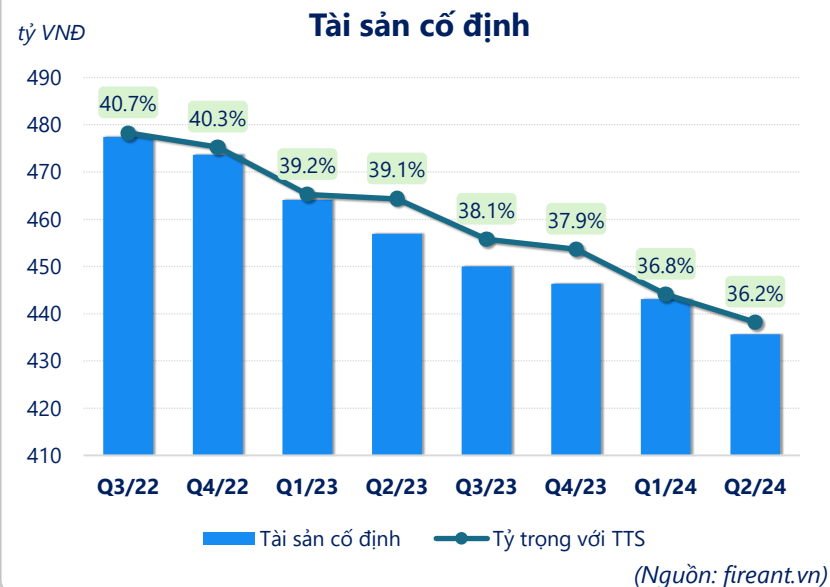
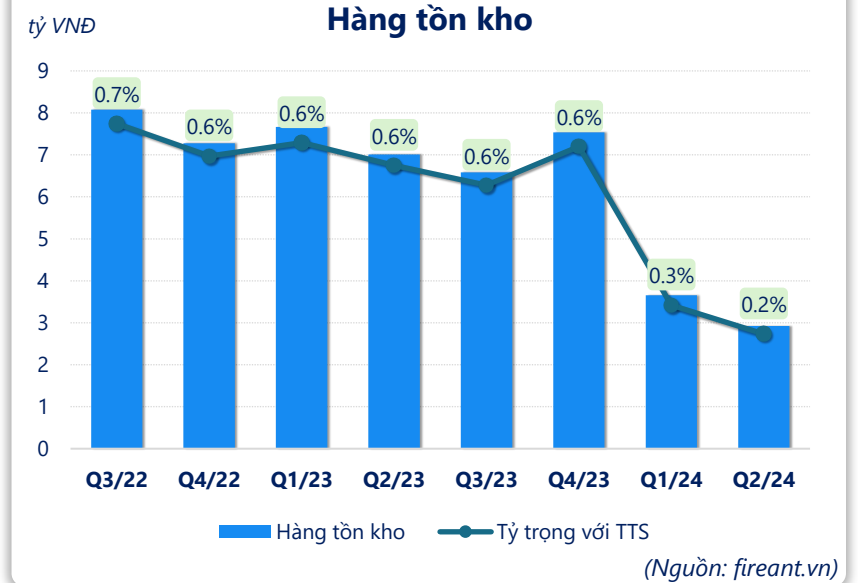
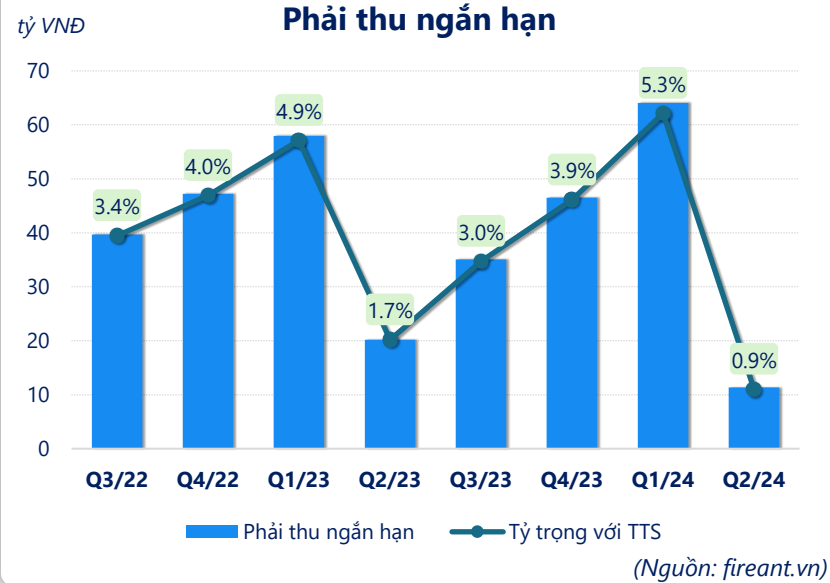
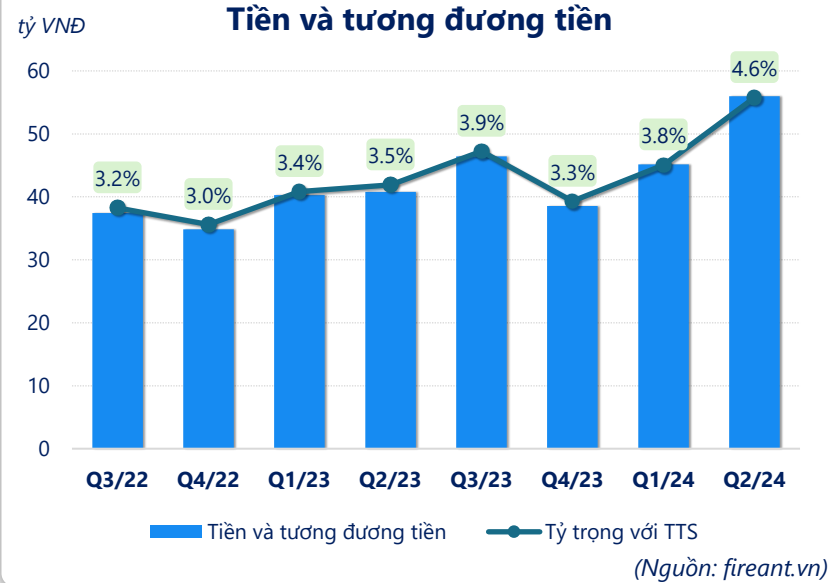
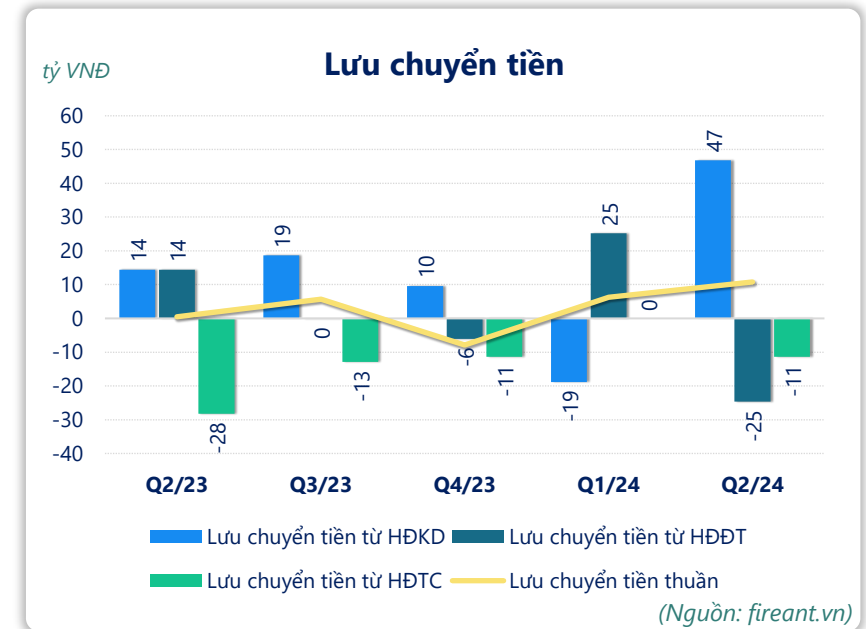
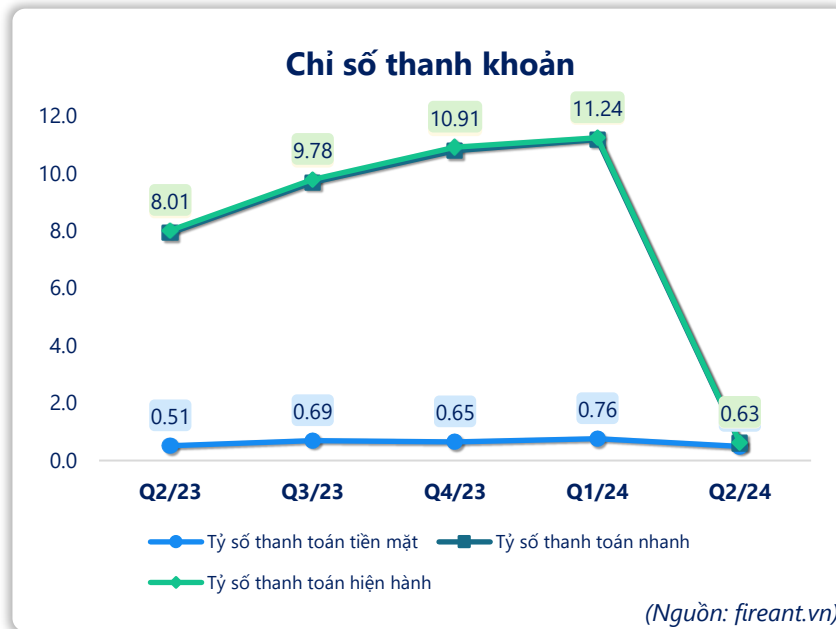
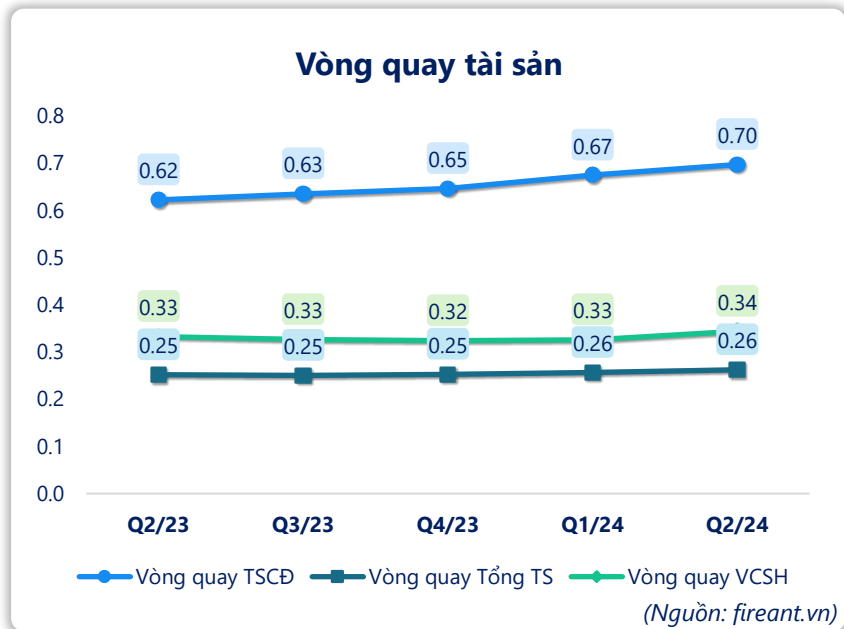
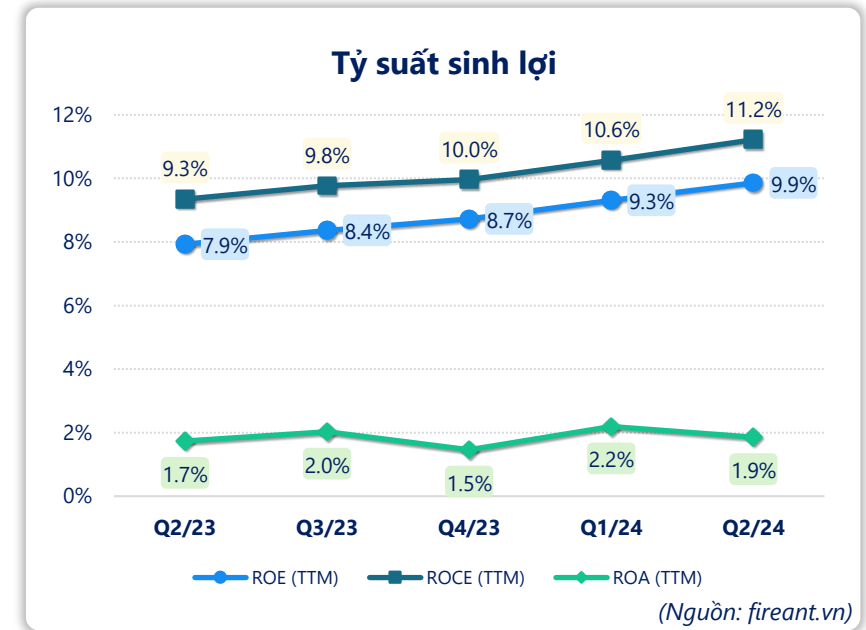
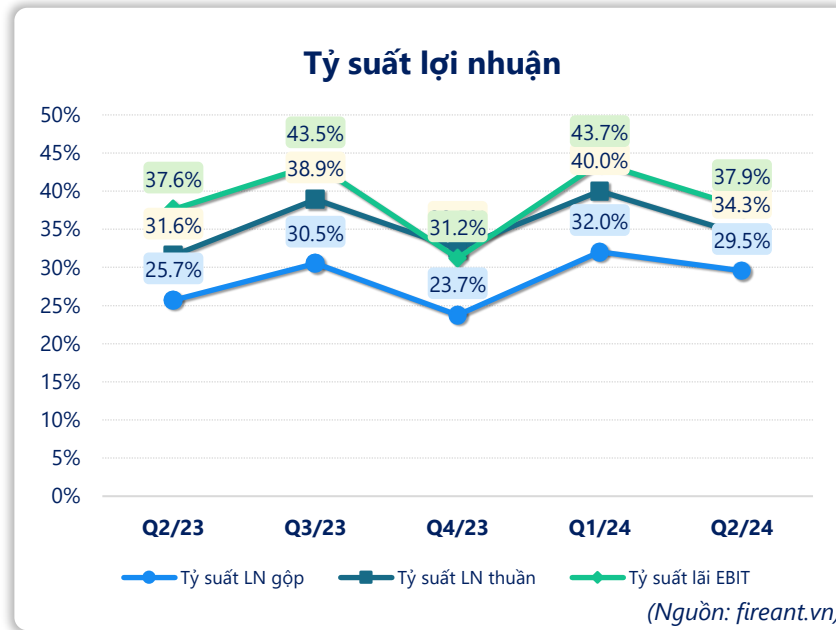
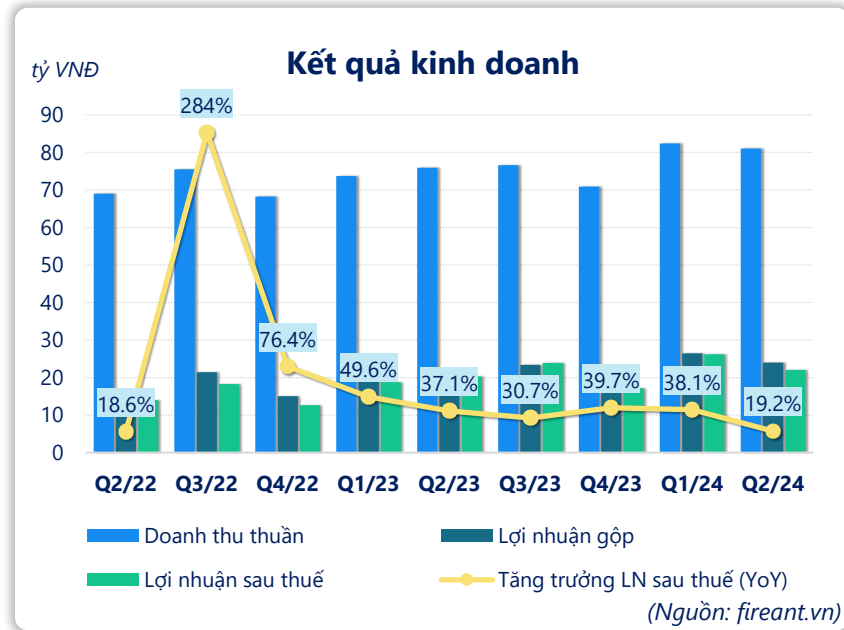


Thông tin giao dịch		28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		15,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		14,531
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		11,625
SL cổ phiếu LH		78,800,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		65
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,182
P/E		13.3
EPS		1,132

	YTD	1T	3T	6T
LDW	25.9%	8.3%	3.2%	25.9%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,204	1,176	2.4%
Tài sản ngắn hạn	71.8	648	-88.9%
Tiền và tương đương tiền	56.0	38.9	43.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.83	555	-99.9%
Phải thu ngắn hạn	11.4	46.5	-75.5%
Hàng tồn kho	2.93	8.00	-63.5%
Tài sản ngắn hạn khác	0.67	0.02	3275%
Tài sản dài hạn	1,133	528	114%
Phải thu dài hạn	0.22	0	
Tài sản cố định	436	446	-2.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2.47	1.48	67.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	673	63.3	963%
Tài sản dài hạn khác	20.9	16.9	23.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	287	244	17.6%
Nợ ngắn hạn	114	59.5	91.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	22.8	22.8	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	13.7	12.3	11.7%
Nợ dài hạn	173	185	-6.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	173	184	-6.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	917	932	-1.6%
Vốn chủ sở hữu	917	932	-1.6%
Vốn điều lệ	788	788	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	75.9	76.6	70.9	82.4	81.0
Giá vốn hàng bán	56.4	53.3	54.0	56.0	57.1
Lợi nhuận gộp	19.5	23.4	16.8	26.4	23.9
Doanh thu HĐTC	14.2	15.4	15.4	15.1	14.3
Chi phí TC	3.60	3.46	3.38	3.25	3.16
Chi phí lãi vay	3.60	3.46	0.38	3.25	3.16
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.53	0.93	0.85	1.04	0.94
Chi phí QLDN	4.64	4.52	5.01	4.19	6.40
LN thuần từ HĐKD	24.0	29.8	23.0	33.0	27.8
Lợi nhuận khác	0.98	0.07	-1.27	-0.21	-0.22
LN trước thuế	24.9	29.9	21.7	32.8	27.6
Lợi nhuận sau thuế	20.3	23.9	17.2	26.2	22.0
LNST của CĐ cty mẹ	20.3	23.9	17.2	26.2	22.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	14.4	18.6	9.60	-18.9	46.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	14.4	-0.08	-6.09	25.2	-24.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-28.3	-12.9	-11.4	0	-11.4
Tiền đầu kỳ	40.3	40.8	46.4	38.9	45.2
Lưu chuyển tiền thuần	0.51	5.65	-7.88	6.30	10.8
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	40.8	46.4	38.5	45.2	56.0

(Nguồn: fireant.vn)